TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG LÁT
TỈNH THANH HOÁ

Bản án số: 06/2019/HS-ST
Ngày 11.4.2019

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HOÁ

- Với thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị T

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Trịnh Đình D và Ông Trương Văn B

- Thư ký phiên toà: Ông Lâu Văn C , Thư ký - Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn P - Kiểm sát viên.

Ngày 11/4/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 04/2019/TLST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST-HS ngày 28/3/2019 đối với bị cáo:

Vàng A H . Sinh năm: 1992 tại xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Bản Cơm, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Dân tộc: Mông. Tôn giáo: Tin Lành. Nghề nghiệp: Trồng trọt. Trình độ học vấn: 04/12. Con ông: Vàng A N - Đã chết. Con bà: Giàng Thị D - Sinh năm 1967. Nơi cư trú: Bản Khằm 1, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Vợ: Hơ Thị X - Sinh năm 1987. Có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2010; nhỏ nhất năm 2018. Vợ và con của bị cáo hiện đang sinh sống bằng nghề trồng trọt tại bản Cơm, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Bị cáo sinh ra và lớn lên ở xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, được học hết lớp 4/12 thì bỏ học ở nhà phụ giúp gia đình, năm 2009 lập gia đình và sinh sống bằng nghề trồng trọt. Đến năm 2013 bị cáo cùng vợ, con chuyển đến bản Cơm, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát sinh sống. Sử dụng chất ma túy từ năm 2013 đến nay.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/11/2018 đến nay. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Hà Văn K- Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý số 1, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 29/11/2018, bị cáo đi làm thuê (bốc vác) cho một người đàn ông tên Ly ở bản Khằm Nàng – Lào và được trả công với số tiền 120.000 đồng, bị cáo không nhận tiền mà quy đổi lấy một cục heroin mang về sử dụng. Bị cáo gói lại bằng túi ni lon màu xanh rồi bỏ vào túi quần bên phải mình đang mặc, sau đó theo đường mòn quay về nhà. Khi bị cáo đến khu vực đường vành đai thuộc bản Pá Hộc, xã Nhi Sơn, huyện Mường Lát thì bị lực lượng Đồn biên phòng Pù Nhi – BĐBP tỉnh Thanh Hóa kiểm tra, phát hiện bắt quả tang, thu giữ toàn bộ số ma túy bị cáo đang cất giấu trong người.

Tại bản Kết luận giám định số: 80/MT-PC09 ngày 02/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận:

Chất bột màu trắng dạng cục vụn của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,625g (không phẩy sáu hai năm gam) loại: Heroine.

Quá trình điều tra bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người chứng kiến và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 06/CT-VKS-MT ngày 21/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố bị cáo về tội "Tàng *trữ trái phép chất ma túy*" theo điểm c khoản 1 điều 249 BLHS năm 2015. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*". Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về tội danh: Tuyên bị cáo phạm tội "*Tàng trữ trái pháp chất ma túy*".

+ Về điều luật: Áp dụng: Điều 38; điểm s khoản 1 điều 51; điểm c khoản 1 điều 249 BLHS đối với bị cáo.

+ Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo từ 16 tháng đến 18 tháng tù.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Về vật chứng: Đề nghị HĐXX xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

+ Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo đồng tình với quan điểm truy tố của VKS về tội danh, điều luật áp dụng và khung hình phạt. Nhưng cho rằng, Bị cáo là người dân tộc thiểu số; sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn; trình độ học vấn thấp, không hiểu biết pháp luật, công tác phổ biến tuyên

truyền pháp luật về tác hại của ma túy không đến được với nhân dân; bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, con còn nhỏ, trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, luôn chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của thôn bản, nên đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng một mức án thấp nhất của khung hình phạt, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo và miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo yên tâm cải tạo, sớm được trở về với gia đình và xã hội để nuôi dạy con cái và trở thành công dân có ích cho xã hội, nhưng vẫn có tính phòng ngừa chung.

Tại phiên tòa Bị cáo nhận tội, đồng tình với lời bào chữa, không thay đổi, bổ sung thêm gì làm thay đổi nội dung vụ án, không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS, lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo một mức án thấp nhất của khung hình phạt, để bị cáo sớm được về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Xét về hành vi, quyết định tố tụng:* Của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Lát, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố; Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Trợ giúp viên pháp lý là người bào chữa cho bị cáo, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Chứng cứ xác định có tội, không có tội của bị cáo*: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tội của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người chứng kiến, kết luận giám định và chứng cứ khác trong hồ sơ, đủ cơ sở khẳng định bị cáo tàng trữ 0,625g (*không phẩy sáu hai năm gam*) Heroine, nhằm mục đích sử dụng cho bản thân đã cấu thành tội: *Tàng trữ trái phép chất ma túy*. Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước về ma túy, hơn nữa ma tuý hiện nay đang trở thành hiểm họa lớn cho toàn xã hội và còn là nguyên nhân phát sinh những tội phạm khác, ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội. Việc tàng trữ ma túy để sử dụng của bị cáo là nguy hiểm cho bản thân và toàn xã hội. Bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Với hành vi của bị cáo, tính chất vụ án, năng lực chịu trách nhiệm hình sự của bị cáo và trọng lượng heroin bị cáo tàng trữ đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Tàng trữ trái*

phép chất ma túy". Tội danh và mức hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] *Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Tại các cơ quan tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Mặt khác, Bị cáo lại sinh sống từ nhỏ ở vùng kinh tế, xã hội đặc biết khó khăn, trình độ văn hóa thấp nên mới dẫn đến phạm tội, nhân thân bị cáo chưa có tiền án tiền sự. Với các tình tiết này thì Hội đồng xét xử cũng cân nhắc khi lượng hình, xem xét xử bị cáo một mức án thấp nhất có thể, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo sớm trở thành người công dân có ích.

[4] *Xét về hình phạt:*

- Hình phạt chính: Bị cáo là người sử dụng ma túy, với tính chất nghiêm trọng của tội phạm về ma túy, xét nhân thân và hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo khỏi xã hội nhằm cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

- Hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động chính trong gia đình, con còn nhỏ, bị cáo làm nương rẫy, điều kiện kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[5] *Xét về vật chứng trong vụ án:*

Heroin thu giữ của bị cáo còn lại sau khi giám định tang vật vụ án là chất Nhà nước cấm lưu hành, cần Tịch thu tiêu hủy.

[6] *Xét về phần án phí và quyền kháng cáo:* Bị cáo phải chịu án phí HSST và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] *Các nhận định khác:*

Người đàn ông tên Ly (theo lời khai của bị cáo) là người đã trả công làm thuê bằng ma túy cho bị cáo thì Cơ quan CSĐT cấp có thẩm quyền sẽ tiếp tục xác minh làm rõ, có căn cứ thì xử lý trong một vụ án khác.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Vàng A H phạm tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma tuý*".

Áp dụng: Điểm c khoản 1 điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 điều 51 BLHS

Xử phạt: Bị cáo **14** (*Mười bốn*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (29/11/2018).

Về tang vật: Áp dụng điểm c khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: **0,625g** (*không phẩy sáu hai năm gam*) Heroine, đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, theo Quyết định chuyển vật chứng số 06/QĐ-VKSML ngày 21/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/02/2019 giữa Công an huyện Mường Lát và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát.

Về án phí: Áp dụng điều 135, điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên: Bị cáo phải nộp **200.000đ** (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí HSST.

Án xử công khai, có mặt bị cáo và người bào chữa cho bị cáo. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật bị cáo phải thi hành khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm, nếu không tự nguyện thì bị cưỡng chế theo điều 9 luật THADS, thời hiệu thi hành án căn cứ điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân H.Mường Lát;
- VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Công an H. Mường Lát;
- Chi cục THADS huyện Mường Lát;
- UBND xã Pù Nhi H. Mường Lát;
- UBND xã Trung Lý H. Mường Lát;
- Bị cáo; Người bào chữa cho bị cáo;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Ngô Thị T